

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH
QUANG NINH THERMAL
POWER JOINT STOCK
COMPANY**

Số: 1285/BC-NĐQN

No.: /BC-NDQN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
*Independence - Freedom – Happiness***

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2025

Quảng Ninh, day month 7 year 2025

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng/năm 2025)
(6 months/year 2025)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;
- Ha Noi Stock Exchange.

- Tên công ty/*Name of company*: Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh/
Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company;

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice*: Tổ 33, Khu 5, phường Cao Xanh,
tỉnh Quảng Ninh/*Group 33, Zone 5, Cao Xanh Ward, Quang Ninh Province*;

- Điện thoại/*Telephone*: +84 203.3657.539 Fax: +84 203 3657.540
Email: vanthundquangninh@gmail.com

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 4.500.000.000.000 VND

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: QTP

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng
quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board
of Directors, Board of Supervisors, General Director*.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	58/NQ- NĐQN	27/4/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025/ Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2025: 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng (SXKD & ĐTXD) năm 2024./Approval of the 2024 Production and Business Results and Investment in Construction (P&L & Investment). 2. Thông qua các kế hoạch năm 2025 của Công ty. /Approval of the Company's plans for 2025. 3. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao người quản lý Công ty năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý Công ty năm 2025./Approval of the settlement of salaries and remuneration for the Company's management in 2024 and the salary and remuneration plan for the Company's management in 2025. 4. Phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn BDO./Approval of the audited 2024 financial statements by BDO Auditing and Consulting Company Limited. 5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2024. /Approval of profit distribution for 2024. 6. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và Kế hoạch nhiệm vụ năm 2025./Approval of the Board of Directors' activity report for 2024 and the 2025 task plan.

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			7. Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025./<i>Approval of the 2024 Supervisory Board's Activity Report and the 2025 Activity Plan.</i> 8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025./<i>Selection of the auditing unit for the 2025 financial statements.</i> 9. Công tác nhân sự./<i>Human Resources work.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

STT/ No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors’ members	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal
I	Từ 01/01/2025 đến 27/4/2025/From 01/01/2025 to 04/27/2025			
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh Mr. Nguyen Tuan Anh	Chủ tịch/ Chairman	23/6/2020	-
2	Ông Ngô Sinh Nghĩa Mr. Ngo Sinh Nghia	Thành viên/ Board Member	15/6/2023	27/4/2025
3	Ông Nguyễn Việt Dũng Mr. Nguyen Viet Dung	Thành viên/ Board Member	23/6/2020	-
4	Ông Nguyễn Quang Huy Mr. Nguyen Quang Huy	Thành viên/ Board Member	15/6/2023	-
5	Ông Trần Đức Hùng Mr. Tran Duc Hung	Thành viên/ Board Member	26/4/2022	27/4/2025
6	Ông Phan Duy An Mr. Phan Duy An	Thành viên/ Board Member	15/6/2023	-
7	Bà Trần Thị Kim Chi Mrs. Tran Thi Kim Chi	Thành viên/ Board Member	03/10/2024	-

II	Từ 27/4/2025 đến 30/6/2025/From 27/4/2025 to 30/6/2025			
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh <i>Mr. Nguyen Tuan Anh</i>	Chủ tịch/ <i>Chairman</i>	27/4/2025	-
2	Ông Nguyễn Việt Dũng <i>Mr. Nguyen Viet Dung</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	27/4/2025	-
3	Ông Nguyễn Quang Huy <i>Mr. Nguyen Quang Huy</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	15/6/2023	-
4	Ông Phan Duy An <i>Mr. Phan Duy An</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	15/6/2023	-
5	Bà Trần Thị Kim Chi <i>Mrs. Tran Thi Kim Chi</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	03/10/2024	-
6	Ông Tống Quang Vinh <i>Mr. Tong Quang Vinh</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	27/4/2025	-
7	Ông Lê Việt Cường <i>Mr. Le Viet Cuong</i>	Thành viên/ <i>Board Member</i>	27/4/2025	-

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị/Meetings of the Board of Directors:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đã tổ chức 02 phiên họp (Phiên 01 ngày 24/02/2025, Phiên 02 ngày 28/5/2025), các thành viên HĐQT đương nhiệm tại thời điểm tổ chức đã tham dự các cuộc họp như sau: *The Board of Directors of Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company held 02 meetings (Session 01 on February 24, 2025, Session 02 on May 28, 2025). The incumbent members of the Board of Directors at the time of the meetings attended as follows:*

STT/ No.	Thành viên HĐQT/Board of Directors' members	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp / Attendance rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh <i>Mr. Nguyen Tuan Anh</i>	02/02	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Dũng <i>Mr. Nguyen Viet Dung</i>	02/02	100%	
3	Ông Nguyễn Quang Huy <i>Mr. Nguyen Quang Huy</i>	02/02	100%	
4	Ông Phan Duy An <i>Mr. Phan Duy An</i>	02/02	100%	
5	Bà Trần Thị Kim Chi <i>Mrs. Tran Thi Kim Chi</i>	02/02	100%	
6	Ông Tống Quang Vinh <i>Mr. Tong Quang Vinh</i>	01/01	100%	

7	Ông Lê Việt Cường <i>Mr. Le Viet Cuong</i>	01/01	100%	
8	Ông Trần Đức Hùng <i>Mr. Tran Duc Hung</i>	01/01	100%	
9	Ông Ngô Sinh Nghĩa <i>Mr. Ngo Sinh Nghia</i>	01/02	50%	Bận công tác/ <i>Business trip</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc: */Supervising the Board of General Directors by the Board of Directors:*

Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra, giám sát đối với Tổng giám đốc Công ty theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể: */The Board of Directors performs inspection and supervision of the General Director of the Company in accordance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter, and the Operating Regulations of the Company's Board of Directors, specifically:*

- Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và năm 2025. */Inspect and supervise the General Director and the Executive Board on the progress and results of the implementation of the General Shareholders' Meeting Resolutions for 2024 and 2025.*

- Giám sát việc thực hiện các hoạt động SXKD, ĐTXD: Tình hình sản xuất (vận hành các tổ máy, thị trường phát điện cạnh tranh), kết quả hoạt động SXKD (hàng tháng, quý, 06 tháng), tình hình quyết toán các dự án đầu tư xây dựng. */Supervise the implementation of production and business activities (SXKD) and construction investment (ĐTXD): Production situation (operation of units, competitive electricity generation market), SXKD results (monthly, quarterly, 6-month), and the settlement status of construction investment projects.*

- Định kỳ hàng tuần, Chủ tịch HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành và các đơn vị trong Công ty về tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị để chỉ đạo thường xuyên, kịp thời đảm bảo công tác quản trị, điều hành trong Công ty đạt hiệu quả cao nhất. */Weekly, the Chairman of the Board of Directors holds meetings with the Executive Board and departments within the Company on the progress and results of the implementation of the General Shareholders' Meeting and Board of Directors' Resolutions to provide regular and timely guidance, ensuring the highest efficiency in the Company's governance and operations.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) */Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):* Không có/Non.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (6 tháng đầu năm 2025) */Resolutions of the Board of Directors (First 6 months of 2025):* Chi tiết phụ lục 01 kèm theo */Details in Appendix 01 attached.*

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm): /Board of Supervisors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Information about members of Board of Supervisors:

STT/ No.	Thành viên BKS/ Members of Board of Supervisors	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS/ The date becoming/ ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn/ Qualification
1	Ông Nguyễn Hữu Thành <i>Mr. Nguyen Huu Thanh</i>	Trưởng Ban	15/6/2023 -	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp/ <i>Master of Business Administration, Civil and Industrial Construction Engineer.</i>
2	Ông Dương Đình Hòa <i>Mr. Duong Dinh Hoa</i>	Thành viên/ <i>Member</i>	15/6/2023 -	Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Cử nhân Kế toán/ <i>Master of Economic Management, Bachelor of Accounting.</i>
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp <i>Mrs. Nguyen Thi Ngoc Diep</i>	Thành viên/ <i>Member</i>	15/6/2023 -	Thạc sĩ Kinh tế quốc tế; Cử nhân kinh tế đối ngoại/ <i>Master of International Economics, Bachelor of Foreign Economics.</i>
4	Ông Nguyễn Hải Đăng <i>Mr. Nguyen Hai Dang</i>	Thành viên/ <i>Member</i>	15/6/2023 -	Kỹ sư Cơ Khí/ <i>Mechanical Engineer.</i>
5	Bà Tăng Minh Hằng <i>Mrs. Tang Minh Hang</i>	Thành viên/ <i>Member</i>	15/6/2023 -	Thạc sĩ Tài chính và quản trị kinh doanh/ <i>Master of Finance and Business Administration.</i>

2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

STT/ No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Nguyễn Hữu Thành <i>Mr. Nguyen Huu Thanh</i>	01/01	100%		-
2	Ông Dương Đình Hòa <i>Mr. Duong Dinh Hoa</i>	01/01	100%		-
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp <i>Mrs. Nguyen Thi Ngoc Diep</i>	01/01	100%		-
4	Ông Nguyễn Hải Đăng <i>Mr. Nguyen Hai Dang</i>	00/01	0%		Bận công tác/ <i>Business trip</i>
5	Bà Tăng Minh Hằng <i>Mrs. Tang Minh Hang</i>	01/01	100%		-

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát kỳ 3 năm tài chính 2024 (từ ngày 18/3/2025)/*In the first 6 months of 2025, the Supervisory Board carried out the third inspection period of the 2024 fiscal year (starting from March 18, 2025).*

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of General Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty./*The Supervisory Board participated in the Board of Directors' meetings to promptly grasp the Company's business activities.*

- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2024 và Rà soát các tài liệu trình ĐHĐCĐ năm 2025 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Tổng giám đốc Công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị./*The Supervisory Board conducted inspections and supervisions of the financial situation, business operations in 2024, and reviewed documents submitted to the 2025 General Shareholders' Meeting of the Company. The Board of Directors' activities complied with the Enterprise Law, the Company's organizational and operational Charter, and relevant legal regulations. The Company's General Director and Executive Board have been and are implementing the Board of Directors' decisions.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of General Directors and other managers:*

- BKS đã được HĐQT, Ban Điều hành và các bộ phận chức năng Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát./*The Supervisory Board has received cooperation and facilitation from the Board of Directors, the Executive Board, and the Company's functional departments in updating the Company's operational situation, collecting information, and documents for inspection and supervision.*

- BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; trực tiếp tham gia một số cuộc họp giao ban hàng tuần và giao ban sản xuất của Công ty./*The Supervisory Board fully participated in all Board of Directors' meetings; directly participated in some weekly briefing meetings and production briefings of the Company.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):* Không/Non.

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

STT/ No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Ông Nguyễn Việt Dũng <i>Mr. Nguyen Viet Dung</i>	04/01/1968	Thạc sĩ QTKD; Kỹ sư công nghệ chế tạo máy, Cử nhân QTKD quốc tế/ <i>Master of Business Administration; Mechanical Manufacturing Engineer, Bachelor of International Business Administration</i>	01/3/2020 -
2	Ông Lê Việt Cường <i>Mr. Le Viet Cuong</i>	01/11/1979	Kỹ sư Công nghệ nhiệt, Cử nhân QTKD/ <i>Thermal Technology Engineer; Bachelor of Business Administration</i>	25/3/2019 -

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên/ <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh/ <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Ông Trần Vũ Linh <i>Mr. Tran Vu Linh</i>	02/10/1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Cử nhân Kế toán doanh nghiệp/ <i>Master of Economic Management; Bachelor of Enterprise Accounting</i>	16/11/2017 -

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Chương trình đào tạo về Quản trị công ty và Công bố thông tin do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức ngày 27/6/2025./*Training Program on Corporate Governance and Information Disclosure organized by the Hanoi Stock Exchange on June 27, 2025.*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company).*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company:* Chi tiết phụ lục 02 kèm theo/*Details in Appendix 02 attached.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:* Không có/*Non.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:* Không có/*Non.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects:* Không có/*Non.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report):

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*: Chi tiết phụ lục 03 kèm theo/*Details in Appendix 03 attached*.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*: Không có/*Non*.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/*Non*./

Nơi nhận:/Recipients:

- UBCKNN;/StateSecurities Commission (SSC);
- HNX;/Hanoi Stock Exchange;
- VSDC;/VietnamSecurities Depository Center;
- HĐQT;/ Board of Directors (BOD);
- BKS;/Supervisory Board (SB);
- Website Công ty;/Company Website;
- Lưu: VT, TKHĐQT./Archived: Office, BOD Secretary.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS**



Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục 01/Appendix 01
Danh sách các Nghị quyết của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2025/
Resolutions of the Board of Directors (First 6 months of 2025)

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
1	01/NQ-NĐQN	04/01/2025	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay/ <i>Resolution on Fly Ash Consumption</i>	100%
2	02/NQ-NĐQN	04/01/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
3	03/NQ-NĐQN	03/02/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
4	04/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
5	05/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
6	06/NQ-NĐQN	07/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
7	07/NQ-NĐQN	12/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
8	08/NQ-NĐQN	12/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
9	09/NQ-NĐQN	18/02/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
10	10/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on Coal Price Adjustment</i>	100%
11	11/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on Coal Price Adjustment</i>	100%
12	12/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
13	13/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
14	14/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
15	15/NQ-NĐQN	21/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
16	16/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
17	17/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
18	18/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
19	19/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
20	20/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
21	21/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
22	22/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
23	23/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
24	24/NQ-NĐQN	26/02/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
25	25/NQ-NĐQN	28/02/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 01 năm 2025/ <i>Resolution on the First Session of 2025.</i>	100%
26	26/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
27	27/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
28	28/NQ-NĐQN	05/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
29	29/NQ-NĐQN	06/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
30	30/NQ-NĐQN	06/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
31	31/NQ-NĐQN	10/03/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on Organizing the 2025 General Shareholders' Meeting</i>	100%
32	32/NQ-NĐQN	11/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
33	33/NQ-NĐQN	19/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
34	34/NQ-NĐQN	19/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
35	35/NQ-NĐQN	22/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
36	36/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
37	37/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
38	38/NQ-NĐQN	24/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
39	39/NQ-NĐQN	31/03/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
40	40/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
41	41/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
42	42/NQ-NĐQN	02/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
43	43/NQ-NĐQN	03/04/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
44	44/NQ-NĐQN	03/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
45	45/NQ-NĐQN	04/04/2025	Nghị quyết về công tác tiêu thụ tro bay/ <i>Resolution on Fly Ash Consumption</i>	100%
46	46/NQ-NĐQN	05/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on Organizing the 2025 General Shareholders' Meeting</i>	100%
47	47/NQ-NĐQN	09/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
48	48/NQ-NĐQN	10/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
49	49/NQ-NĐQN	11/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
50	50/NQ-NĐQN	11/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
51	51/NQ-NĐQN	15/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
52	52/NQ-NĐQN	16/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
54	54/NQ-NĐQN	18/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
55	55/NQ-NĐQN	22/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
56	56/NQ-NĐQN	23/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on Organizing the 2025 General Shareholders' Meeting</i>	100%
57	57/NQ-NĐQN	23/04/2025	Nghị quyết về công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2025/ <i>Resolution on Organizing the 2025 General Shareholders' Meeting</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
58	58/NQ-NĐQN	27/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025/ <i>Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders 2025</i>	
59	59/NQ-NĐQN	27/04/2025	Nghị quyết bầu tái cử Chủ tịch Hội đồng quản trị/ <i>Resolution on Re-electing the Chairman of the Board of Directors.</i>	100%
60	60/NQ-NĐQN	28/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
61	61/NQ-NĐQN	28/04/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
62	62/NQ-NĐQN	29/04/2025	Nghị quyết về công tác sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Mua bán điện/ <i>Resolution on Amending and Supplementing the Power Purchase Agreement</i>	100%
63	63/NQ-NĐQN	04/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
64	64/NQ-NĐQN	07/05/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on Coal Price Adjustment</i>	100%
65	65/NQ-NĐQN	07/05/2025	Nghị quyết về điều chỉnh giá than/ <i>Resolution on Coal Price Adjustment</i>	100%
66	66/NQ-NĐQN	08/05/2025	Nghị quyết về công tác chia sẻ thông tin phục vụ vận hành thị trường điện/ <i>Resolution on Information Sharing for Electricity Market Operation</i>	100%
67	67/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác mua lại các VTTB thu hồi còn sử dụng được từ dự án nâng cấp hệ thống DCS Tổ máy 330MW- Nhà máy nhiệt điện Uông Bí/ <i>Resolution on Repurchasing Recoverable Materials and Equipment from the Uong Bi Thermal Power Plant's 330MW Unit DCS System Upgrade Project</i>	100%
68	68/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
69	69/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
70	70/NQ-NĐQN	13/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
71	71/NQ-NĐQN	16/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
72	72/NQ-NĐQN	16/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
73	73/NQ-NĐQN	21/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày/ Date	Nội dung/ Content	Tỷ lệ thông qua/ Approval rate
74	74/NQ-NĐQN	28/05/2025	Nghị quyết về Phiên họp thứ 02 năm 2025/ <i>Resolution on the Second Session of 2025</i>	100%
75	75/NQ-NĐQN	30/05/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
76	76/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
77	77/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
78	78/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác Quyết toán SCL 2022/ <i>Resolution on 2022 Major Repair Settlement</i>	100%
79	79/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
80	80/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
81	81/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
82	82/NQ-NĐQN	02/06/2025	Nghị quyết về công tác ban hành quy chế quản lý nội bộ/ <i>Resolution on Issuing Internal Management Regulations</i>	100%
83	83/NQ-NĐQN	10/06/2025	Nghị quyết về công tác hiệu chỉnh một số nội dung trong Hợp đồng mua bán than năm 2025/ <i>Resolution on Adjusting Certain Contents in the 2025 Coal Purchase Agreement</i>	100%
84	84/NQ-NĐQN	16/06/2025	Nghị quyết về công tác chi trả cổ tức phần còn lại năm 2024 bằng tiền/ <i>Resolution on Cash Dividend Payment for the Remaining Portion of 2024</i>	100%
85	85/NQ-NĐQN	16/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
86	86/NQ-NĐQN	17/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
87	87/NQ-NĐQN	23/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%
88	88/NQ-NĐQN	26/06/2025	Nghị quyết về công tác lựa chọn nhà thầu/ <i>Resolution on Contractor Selection</i>	100%

Phụ lục 02/Appendix 02**Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relations hip with the Company
1	Nguyễn Tuấn Anh <i>Nguyen Tuan Anh</i>		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman</i>						
1.1	Trần Thị Kim Tuyền <i>Tran Thi Kim Tuyen</i>								
1.2	Nguyễn Trường Long <i>Nguyen Truong Long</i>								
1.3	Nguyễn Khánh Linh <i>Nguyen Khanh Linh</i>								
1.4	Đào Thị Thu <i>Dao Thi Thu</i>								
1.5	Nguyễn Tuấn Đạo <i>Nguyen Tuan Dao</i>								
1.6	Nguyễn Thị Diễm <i>Nguyen Thi Dien</i>								
1.7	Nguyễn Thị An Biên <i>Nguyen Thi An Bien</i>								
1.8	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
2	Nguyễn Việt Dũng <i>Nguyen Viet Dung</i>		Thành viên HĐQT, TGD/ <i>Board Member, General Director</i>						
2.1	Nguyễn Thị Bích Ngọc <i>Nguyen Thi Bích Ngoc</i>								
2.2	Nguyễn Ngọc Ánh <i>Nguyen Ngoc Anh</i>								
2.3	Nguyễn Nam Dương <i>Nguyen Nam Duong</i>								
2.4	Đỗ Thị Tiên <i>Do Thi Tien</i>								
2.5	Nguyễn Văn Tý <i>Nguyen Van Ty</i>								
2.6	Nguyễn Thị Tuyết Tâm <i>Nguyen Thi Quyet Tam</i>								
2.7	Nguyễn Thị Bình <i>Nguyen Thi Binh</i>								
2.8	Đào Hữu Bắc <i>Dao Huu Bac</i>								
2.9	Nguyễn Tiến Lực <i>Nguyen Tien Luc</i>								
2.10	Nguyễn Thị Đan <i>Nguyen Thi Dan</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
2.11	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
3	Lê Việt Cường <i>Le Viet Cuong</i>		Thành viên HDQT, PTGD/ <i>Board Member, Deputy General Manager</i>						
3.1	Nguyễn Thị Nhung <i>Nguyen Thi Nhung</i>								
3.2	Lê Phương Cúc <i>Le Phuong Cuc</i>								
3.3	Lê Ngân Khánh <i>Le Ngan Khanh</i>								
3.4	Lê Phúc Lâm <i>Le Phuc Lam</i>								
3.5	Nguyễn Đình Bình <i>Nguyen Dinh Binh</i>								
3.6	Trần Thị Yên <i>Tran Thi Yen</i>								
3.7	Lê Thị Thu Lan <i>Le Thi Thu Lan</i>								
3.8	Lê Thị Thúy Hồng <i>Le Thi Thuy Hong</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
3.9	Lê Thị Hồng Nhung <i>Le Thi Hong Nhung</i>								
3.10	Nguyễn Văn Khanh <i>Nguyen Van Khanh</i>								
3.11	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
4	Phan Duy An <i>Phan Duy An</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>						
4.1	Phan Sỹ Hiếu <i>Phan Sy Hieu</i>								
4.2	Vũ Thị Liên <i>Vu Thi Lien</i>								
4.3	Trần Thị Hằng Ngân <i>Tran Thi Hang Ngan</i>								
4.4	Phan Bảo Nam <i>Phan Bao Nam</i>								
4.5	Phan Bảo Sơn <i>Phan Bao Son</i>								
4.6	Đinh Thị Nhiên <i>Dinh Thi Nien</i>								
4.7	Phan Thanh Hằng <i>Phan Thanh Hang</i>								
4.8	Nguyễn Tiến Trung <i>Nguyen Tien Trung</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
4.9	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
5	Nguyễn Quang Huy <i>Nguyen Quang Huy</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>						
5.1	Nguyễn Thị Chi <i>Nguyen Thi Chi</i>								
5.2	Đặng Thị Hồng Thúy <i>Dang Thi Hong Thuy</i>								
5.3	Nguyễn Đình Hoàng <i>Nguyen Dinh Hoang</i>								
5.4	Nguyễn Diệu Lan <i>Nguyen Dieu Lan</i>								
5.5	Mạc Thị Dỡ <i>Mac Thi Do</i>								
5.6	Nguyễn Thị Hà <i>Nguyen Thi Ha</i>								
5.7	Dương Mạnh Hà <i>Duong Manh Ha</i>								
5.8	Nguyễn Thị Hồng Phương <i>Nguyen Thi Hong Phuong</i>								
5.9	Vũ Chí Cương <i>Vu Chi Cuong</i>								
5.10	Nguyễn Lan Phương <i>Nguyen Lan Phuong</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
5.11	Trần Xuân Biên <i>Tran Xuan Bien</i>								
5.12	Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại <i>Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (PPC)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
6	Trần Thị Kim Chi <i>Tran Thi Kim Chi</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>						
6.1	Trần Xuân Viên <i>Tran Xuan Vien</i>								
6.2	Nguyễn Thị Lan <i>Nguyen Thi Lan</i>								
6.3	Nguyễn Văn Thành <i>Nguyen Van Thanh</i>								
6.4	Nguyễn Thành Trung <i>Nguyen Thanh Trung</i>								
6.5	Trần Lan Phương <i>Tran Lan Phuong</i>								
6.6	Trần Như Ngọc <i>Tran Nhu Ngoc</i>								
6.7	Nguyễn Thị Phương <i>Nguyen Thi Phuong</i>								
6.8	Nguyễn Thị Lan <i>Nguyen Thi Lan</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
6.9	Nguyễn Văn Đông <i>Nguyen Van Dong</i>								
6.10	Nguyễn Văn Đức <i>Nguyen Van Duc</i>								
6.11	Tổng công ty Điện lực – TKV <i>Vinacomin - Power Holding Corporation (Vinacomin Power)</i>								
6.12	Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 <i>Vinh Tan 1 Power Company Limited (VTPC- 1)</i>								
7	Tổng Quang Vinh <i>Tong Quang Vinh</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>						
7.1	Tổng Minh Tư <i>Tong Minh Tu</i>								
7.2	Nguyễn Thị Tân <i>Nguyen Thi Tan</i>								
7.3	Vũ Quang Thúy <i>Vu Quang Thuy</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
7.4	Tổng Thanh An <i>Tong Thanh An</i>								
7.5	Tổng Quốc Huy <i>Tong Quoc Huy</i>								
7.6	Tổng Thanh Long <i>Tong Thanh Long</i>								
7.7	Nguyễn Thị Thanh Tâm <i>Nguyen Thi Thanh Tam</i>								
7.8	Tổng Thị Mai Loan <i>Tong Thi Mai Loan</i>								
7.9	Hoàng Tuấn Anh <i>Hoang Tuan Anh</i>								
7.10	Vũ Đình Quang <i>Vu Dinh Quang</i>								
7.11	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>								
7.12	Vũ Quang Tuấn <i>Vu Quang Tuan</i>								
7.13	Nguyễn Thị Thơm <i>Nguyen Thi Thom</i>								
7.14	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước <i>State Capital Investment Corporation (SCIC)</i>								
8	Nguyễn Hữu Thành <i>Nguyen Huu Thanh</i>		Trưởng BKS/ <i>Chief Supervisor</i>						

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
8.1	Nguyễn Hữu Hoàn <i>Nguyen Huu Hoan</i>								
8.2	Trần Thị Mai <i>Tran Thi Mai</i>								
8.3	Hoàng Thị Tâm <i>Hoang Thi Tam</i>								
8.4	Nguyễn Hữu Hoàng Quân <i>Nguyen Huu Hoang Quan</i>								
8.5	Nguyễn Bảo Uyên <i>Nguyen Bao Uyen</i>								
8.6	Nguyễn Thị Nhung <i>Nguyen Thi Nhung</i>								
8.7	Nguyễn Thị Hiền <i>Nguyen Thi Hien</i>								
8.8	Nguyễn Thị Hương <i>Nguyen Thi Huong</i>								
8.9	Nguyễn Thị Oanh <i>Nguyen Thi Oanh</i>								
9	Nguyễn Thị Ngọc Diệp <i>Nguyen Thi Ngoc Diep</i>		Thành viên BKS						
9.1	Nguyễn Đình Sinh <i>Nguyen Dinh Sinh</i>								
9.2	Lê Thị Việt <i>Le Thi Viet</i>								
9.3	Nguyễn Đình Sáng <i>Nguyen Dinh Sang</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
9.4	Nguyễn Thị Hà Vân <i>Nguyen Thi Ha Van</i>								
9.5	Ngô Minh Vũ <i>Ngo Minh Vu</i>								
9.6	Ngô Bảo Hoàng <i>Ngo Bao Hoang</i>								
10	Dương Đình Hòa <i>Duong Dinh Hoa</i>		Thành viên BKS, chuyên trách						
10.1	Vũ Thị Thu Hương <i>Vu Thi Thu Huong</i>								
10.2	Dương Vũ Sơn <i>Duong Vu Son</i>								
10.3	Dương Đình Lâm <i>Duong Dinh Lam</i>								
10.4	Dương Đình Lăng <i>Duong Dinh Lang</i>								
10.5	Hoàng Thị Hải <i>Hoang Thi Hai</i>								
10.6	Dương Thị Thanh Huyền <i>Duong Thi Thanh Huyen</i>								
10.7	Vũ Đình Hải <i>Vu Dinh Hai</i>								
10.8	Dương Đình Hạnh <i>Duong Dinh Hanh</i>								
10.9	Nguyễn Thị Thương <i>Nguyen Thi Thuong</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
10.10	Dương Thị Thu Hương <i>Duong Thi Thu Huong</i>								
10.11	Nguyễn Văn Huy <i>Nguyen Van Huy</i>								
10.12	Nguyễn Thị La <i>Nguyen Thi La</i>								
10.13	Vũ Thị Thu Nhung <i>Vu Thi Thu Nhung</i>								
10.14	Vũ Hoàng Phan <i>Vu Hoang Phan</i>								
10.15	Vũ Thị Thanh Thùy <i>Vu Thi Thanh Thuy</i>								
11	Nguyễn Hải Đăng <i>Nguyen Hai Dang</i>		Thành viên BKS						
11.1	Dương Thị Ngay <i>Duong Thi Ngay</i>								
11.2	Nguyễn Hồ Yên Lan <i>Nguyen Ho Yen Lan</i>								
11.3	Nguyễn Đăng Khoa <i>Nguyen Dang Khoa</i>								
11.4	Nguyễn Hồng Trân <i>Nguyen Hong Tran</i>								
11.5	Nguyễn Ngọc Hòa <i>Nguyen Ngoc Hoa</i>								
11.6	Hồ Thị Xuân <i>Ho Thi Xuan</i>								
11.7	Nguyễn Hải Yến <i>Nguyen Hai Yen</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
11.8	Nguyễn Hải Bằng <i>Nguyen Hai Bang</i>								
11.9	Huỳnh Ngọc Quốc <i>Huynh Ngoc Quoc</i>								
11.10	Trương Thị Thùy Dung <i>Truong Thi Thuy Dung</i>								
12	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>		Thành viên BKS						
12.1	Tăng Đình Nam <i>Tang Dinh Nam</i>								
12.2	Phan Xuân Nga <i>Phan Xuan Nga</i>								
12.3	Tăng Đình Sơn <i>Tang Dinh Son</i>								
12.4	Nguyễn Thùy Vân <i>Nguyen Thuy Van</i>								
12.5	Nguyễn Phương Đông <i>Nguyen Phuong Dong</i>								
12.6	Nguyễn Bình Minh <i>Nguyen Binh Minh</i>								
12.7	Nguyễn Phương Linh <i>Nguyen Phuong Linh</i>								
12.8	Nguyễn Phương <i>Nguyen Phuong</i>								
12.9	Phạm Thị Yến <i>Pham Thi Yen</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
13	Trần Vũ Linh <i>Tran Vu Linh</i>		KTT <i>Chief Accountant</i>						
13.1	Trần Ngọc Sót <i>Tran Ngoc Sot</i>								
13.2	Vũ Thị Vinh Thân <i>Vu Thi Vinh Than</i>								
13.3	Trần Vũ Giang <i>Tran Vu Giang</i>								
13.4	Trương Thị Lan Vân <i>Truong Thi Lan Van</i>								
13.5	Trương Văn Chiến <i>Truong Van Chien</i>								
13.6	Lê Thị Hưng <i>Le Thi Hung</i>								
13.7	Trần Lan Phương <i>Tran Lan Phuong</i>								
13.8	Trần Vũ Phúc Quang <i>Tran Vu Phuc Quang</i>								
13.9	Trần Sỹ Anh <i>Tran Sy Anh</i>								
13.10	Lê Thị Hồng Nhung <i>Le Thi Hong Nhung</i>								
13.11	Trương Lan Tâm <i>Truong Lan Tam</i>								
13.12	Nguyễn Thanh Tuấn <i>Nguyen Thanh Tuan</i>								

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
14	Nguyễn Trung Kiên <i>Nguyen Trung Kien</i>		Người phụ trách quản trị <i>Corporate Governance Officer</i>						
14.1	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>								
14.2	Nguyễn Phú Minh Hưng <i>Nguyen Phu Minh Hung</i>								
14.3	Nguyễn Ngọc Khánh An <i>Nguyen Ngoc Khanh An</i>								
14.4	Nguyễn Thế Việt <i>Nguyen The Viet</i>								
14.5	Lê Thị Hòa <i>Le Thi Hoa</i>								
14.6	Nguyễn Chiến Thắng <i>Nguyen Chien Thang</i>								
14.7	Trần Thị Huệ <i>Tran Thi Hue</i>								
14.8	Hoàng Thị Kim Liên <i>Hoang Thi Kim Lien</i>								
14.9	Nguyễn Ngọc Nam <i>Nguyen Ngoc Nam</i>								
15	Hoàng Minh Trung <i>Hoang Minh Trung</i>		Thư ký Công ty <i>Company Secretary</i>						

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relations hip with the Company</i>
15.1	Hoàng Trọng Liên <i>Hoang Trong Lien</i>								
15.2	Nguyễn Thị Bình <i>Nguyen Thi Binh</i>								
15.3	Ong Thị Phương Hà <i>Ong Thi Phuong Ha</i>								
15.4	Hoàng Thùy Dương <i>Hoang Thuy Duong</i>								
15.5	Hoàng Gia Hưng <i>Hoang Gia Hung</i>								
15.6	Hoàng Thùy Anh <i>Hoang Thuy Anh</i>								
15.7	Hoàng Thị Hương Thảo <i>Hoang Thi Huong Thao</i>								
15.8	Ong Văn Sơn <i>Ong Van Son</i>								
15.9	Ong Thị Hương <i>Ong Thi Huong</i>								
16	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
17	Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại <i>Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (PPC)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account</i>	Chức vụ tại công ty <i>Position at the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relations hip with the Company
18	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước <i>State Capital Investment Corporation (SCIC)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						
19	Tổng công ty Điện lực – TKV <i>Vinacomin - Power Holding Corporation (Vinacomin Power)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>						

Phụ lục 03/Appendix 03

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
1	Nguyễn Tuấn Anh <i>Nguyen Tuan Anh</i>		Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman</i>			66.147.838	14,7%	Đại diện vốn EVNGENCO1 <i>Capital Representative of EVNGENCO1</i>
1.1	Trần Thị Kim Tuyền <i>Tran Thi Kim Tuyen</i>					50.000	0,011%	
1.2	Nguyễn Trường Long <i>Nguyen Truong Long</i>					0	0%	
1.3	Nguyễn Khánh Linh <i>Nguyen Khanh Linh</i>					0	0%	
1.4	Đào Thị Thu <i>Dao Thi Thu</i>					0	0%	
1.5	Nguyễn Tuấn Đạo <i>Nguyen Tuan Dao</i>					0	0%	
1.6	Nguyễn Thị Diễm <i>Nguyen Thi Dien</i>					0	0%	
1.7	Nguyễn Thị An Biên <i>Nguyen Thi An Bien</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
1.8	Tổng công ty Phát điện 1 Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)		Cổ đông lớn Major Shareholder					
2	Nguyễn Việt Dũng Nguyen Viet Dung		Thành viên HĐQT, TGĐ/ Board Member, General Director			47.248.456	10,5%	Đại diện vốn EVNGENCO1 Capital Representative of EVNGENCO1
2.1	Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyen Thi Bích Ngọc					0	0%	
2.2	Nguyễn Ngọc Ánh Nguyen Ngoc Anh					0	0%	
2.3	Nguyễn Nam Dương Nguyen Nam Duong					0	0%	
2.4	Đỗ Thị Tiên Do Thi Tien					0	0%	
2.5	Nguyễn Văn Tý Nguyen Van Ty					0	0%	
2.6	Nguyễn Thị Tuyết Tâm Nguyen Thi Quyet Tam					0	0%	
2.7	Nguyễn Thị Bình Nguyen Thi Binh					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
2.8	Đào Hữu Bắc Dao Huu Bac					0	0%	
2.9	Nguyễn Tiến Lực Nguyen Tien Luc					0	0%	
2.10	Nguyễn Thị Đan Nguyen Thi Dan					0	0%	
2.11	Tổng công ty Phát điện 1 Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)		Cổ đông lớn Major Shareholder					
3	Lê Việt Cường Le Viet Cuong	Thành viên HĐQT, PTGD/ Board Member, Deputy General Manager	Thành viên HĐQT, PTGD/ Board Member			37.798.765	8,4%	Đại diện vốn EVNGENCO1 Capital Representative of EVNGENCO1
3.1	Nguyễn Thị Nhung Nguyen Thi Nhung					0	0%	
3.2	Lê Phương Cúc Le Phuong Cuc					0	0%	
3.3	Lê Ngân Khánh Le Ngan Khanh					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
3.4	Lê Phúc Lâm <i>Le Phuc Lam</i>					0	0%	
3.5	Nguyễn Đình Bình <i>Nguyen Dinh Binh</i>					0	0%	
3.6	Trần Thị Yên <i>Tran Thi Yen</i>					0	0%	
3.7	Lê Thị Thu Lan <i>Le Thi Thu Lan</i>					0	0%	
3.8	Lê Thị Thúy Hồng <i>Le Thi Thuy Hong</i>					0	0%	
3.9	Lê Thị Hồng Nhung <i>Le Thi Hong Nhung</i>					0	0%	
3.10	Nguyễn Văn Khanh <i>Nguyen Van Khanh</i>					0	0%	
3.11	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>					
4	Phan Duy An <i>Phan Duy An</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>			37.798.765	8,4%	Đại diện vốn EVNGENCO1 <i>Capital Representative of EVNGENCO1</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
4.1	Phan Sỹ Hiếu Phan Sy Hieu					0	0%	
4.2	Vũ Thị Liên Vu Thi Lien					0	0%	
4.3	Trần Thị Hằng Ngân Tran Thi Hang Ngan					0	0%	
4.4	Phan Bảo Nam Phan Bao Nam					0	0%	
4.5	Phan Bảo Sơn Phan Bao Son					0	0%	
4.6	Đinh Thị Nhiên Dinh Thi Nien					0	0%	
4.7	Phan Thanh Hằng Phan Thanh Hang					0	0%	
4.8	Nguyễn Tiến Trung Nguyen Tien Trung					0	0%	
4.9	Tổng công ty Phát điện 1 Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)		Cổ đông lớn Major Shareholder					

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
5	Nguyễn Quang Huy Nguyen Quang Huy		Thành viên HĐQT/ Board Member			73.587.291	16,35%	Đại diện vốn PPC Capital Representative of PPC
5.1	Nguyễn Thị Chi Nguyen Thi Chi					0	0%	
5.2	Đặng Thị Hồng Thúy Dang Thi Hong Thuy					0	0%	
5.3	Nguyễn Đình Hoàng Nguyen Dinh Hoang					0	0%	
5.4	Nguyễn Diệu Lan Nguyen Dieu Lan					0	0%	
5.5	Mạc Thị Dỡ Mac Thi Do					0	0%	
5.6	Nguyễn Thị Hà Nguyen Thi Ha					0	0%	
5.7	Dương Mạnh Hà Duong Manh Ha					0	0%	
5.8	Nguyễn Thị Hồng Phượng Nguyen Thi Hong Phuong					0	0%	
5.9	Vũ Chí Cương Vu Chi Cuong					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
5.10	Nguyễn Lan Phương <i>Nguyen Lan Phuong</i>					0	0%	
5.11	Trần Xuân Biên <i>Tran Xuan Bien</i>					0	0%	
5.12	Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại <i>Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (PPC)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>					
6	Trần Thị Kim Chi <i>Tran Thi Kim Chi</i>		Thành viên HĐQT/ <i>Board Member</i>			47.784.131	10,62%	Đại diện vốn Vinacomin Power Capital Representative of Vinacomin Power
6.1	Trần Xuân Viên <i>Tran Xuan Vien</i>					0	0%	
6.2	Nguyễn Thị Lan <i>Nguyen Thi Lan</i>					0	0%	
6.3	Nguyễn Văn Thành <i>Nguyen Van Thanh</i>					0	0%	
6.4	Nguyễn Thành Trung <i>Nguyen Thanh Trung</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
6.5	Trần Lan Phương Tran Lan Phuong					0	0%	
6.6	Trần Như Ngọc Tran Nhu Ngoc					0	0%	
6.7	Nguyễn Thị Phương Nguyen Thi Phuong					0	0%	
6.8	Nguyễn Thị Lan Nguyen Thi Lan					0	0%	
6.9	Nguyễn Văn Đông Nguyen Van Dong					0	0%	
6.10	Nguyễn Văn Đức Nguyen Van Duc					0	0%	
6.11	Tổng công ty Điện lực – TKV Vinacomin - Power Holding Corporation (Vinacomin Power)		Cổ đông lớn Major Shareholder					
6.12	Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1 Vinh Tan 1 Power Company Limited (VTPC-1)					0	0%	Đại diện vốn Capital Representative

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
7	Tổng Quang Vinh <i>Tong Quang Vinh</i>		Thành viên HĐQT/ Board Member			51.401.089	11,42%	Đại diện vốn SCIC Capital Representative of SCIC
7.1	Tổng Minh Tư <i>Tong Minh Tu</i>					0	0%	
7.2	Nguyễn Thị Tân <i>Nguyen Thi Tan</i>					0	0%	
7.3	Vũ Quang Thúy <i>Vu Quang Thuy</i>					0	0%	
7.4	Tổng Thanh An <i>Tong Thanh An</i>					0	0%	
7.5	Tổng Quốc Huy <i>Tong Quoc Huy</i>					0	0%	
7.6	Tổng Thanh Long <i>Tong Thanh Long</i>					0	0%	
7.7	Nguyễn Thị Thanh Tâm <i>Nguyen Thi Thanh Tam</i>					0	0%	
7.8	Tổng Thị Mai Loan <i>Tong Thi Mai Loan</i>					0	0%	
7.9	Hoàng Tuấn Anh <i>Hoang Tuan Anh</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
7.10	Vũ Đình Quang <i>Vu Dinh Quang</i>					0	0%	
7.11	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>					0	0%	
7.12	Vũ Quang Tuấn <i>Vu Quang Tuan</i>					0	0%	
7.13	Nguyễn Thị Thơm <i>Nguyen Thi Thom</i>					0	0%	
7.14	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước <i>State Capital Investment Corporation (SCIC)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>					
8	Nguyễn Hữu Thành <i>Nguyen Huu Thanh</i>		Trưởng BKS/ Chief Supervisor			0	0%	
8.1	Nguyễn Hữu Hoàn <i>Nguyen Huu Hoan</i>					0	0%	
8.2	Trần Thị Mai <i>Tran Thi Mai</i>					0	0%	
8.3	Hoàng Thị Tâm <i>Hoang Thi Tam</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
8.4	Nguyễn Hữu Hoàng Quân <i>Nguyen Huu Hoang Quan</i>					0	0%	
8.5	Nguyễn Bảo Uyên <i>Nguyen Bao Uyen</i>					0	0%	
8.6	Nguyễn Thị Nhung <i>Nguyen Thi Nhung</i>					0	0%	
8.7	Nguyễn Thị Hiền <i>Nguyen Thi Hien</i>					0	0%	
8.8	Nguyễn Thị Hương <i>Nguyen Thi Huong</i>					0	0%	
8.9	Nguyễn Thị Oanh <i>Nguyen Thi Oanh</i>					0	0%	
9	Nguyễn Thị Ngọc Diệp <i>Nguyen Thi Ngoc Diep</i>		Thành viên BKS			0	0%	
9.1	Nguyễn Đình Sinh <i>Nguyen Dinh Sinh</i>					0	0%	
9.2	Lê Thị Việt <i>Le Thi Viet</i>					0	0%	
9.3	Nguyễn Đình Sáng <i>Nguyen Dinh Sang</i>					0	0%	
9.4	Nguyễn Thị Hà Vân <i>Nguyen Thi Ha Van</i>					0	0%	
9.5	Ngô Minh Vũ <i>Ngo Minh Vu</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
9.6	Ngô Bảo Hoàng Ngo Bao Hoang					0	0%	
10	Dương Đình Hòa Duong Dinh Hoa		Thành viên BKS, chuyên trách			0	0%	
10.1	Vũ Thị Thu Hương Vu Thi Thu Huong					0	0%	
10.2	Dương Vũ Sơn Duong Vu Son					0	0%	
10.3	Dương Đình Lâm Duong Dinh Lam					0	0%	
10.4	Dương Đình Lăng Duong Dinh Lang					0	0%	
10.5	Hoàng Thị Hải Hoang Thi Hai					0	0%	
10.6	Dương Thị Thanh Huyền Duong Thi Thanh Huyen					0	0%	
10.7	Vũ Đình Hải Vu Dinh Hai					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
10.8	Dương Đình Hạnh <i>Duong Dinh Hanh</i>					0	0%	
10.9	Nguyễn Thị Thương <i>Nguyen Thi Thuong</i>					0	0%	
10.10	Dương Thị Thu Hương <i>Duong Thi Thu Huong</i>					0	0%	
10.11	Nguyễn Văn Huy <i>Nguyen Van Huy</i>					0	0%	
10.12	Nguyễn Thị La <i>Nguyen Thi La</i>					0	0%	
10.13	Vũ Thị Thu Nhung <i>Vu Thi Thu Nhung</i>					0	0%	
10.14	Vũ Hoàng Phan <i>Vu Hoang Phan</i>					0	0%	
10.15	Vũ Thị Thanh Thùy <i>Vu Thi Thanh Thuy</i>					0	0%	
11	Nguyễn Hải Đăng <i>Nguyen Hai Dang</i>		Thành viên BKS			0	0%	
11.1	Dương Thị Ngay <i>Duong Thi Ngay</i>					0	0%	
11.2	Nguyễn Hồ Yến Lan <i>Nguyen Ho Yen Lan</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
11.3	Nguyễn Đăng Khoa <i>Nguyen Dang Khoa</i>					0	0%	
11.4	Nguyễn Hồng Trân <i>Nguyen Hong Tran</i>					0	0%	
11.5	Nguyễn Ngọc Hòa <i>Nguyen Ngoc Hoa</i>					0	0%	
11.6	Hồ Thị Xuân <i>Ho Thi Xuan</i>					0	0%	
11.7	Nguyễn Hải Yến <i>Nguyen Hai Yen</i>					0	0%	
11.8	Nguyễn Hải Bằng <i>Nguyen Hai Bang</i>					0	0%	
11.9	Huỳnh Ngọc Quốc <i>Huynh Ngoc Quoc</i>					0	0%	
11.10	Trương Thị Thùy Dung <i>Truong Thi Thuy Dung</i>					0	0%	
12	Tăng Minh Hằng <i>Tang Minh Hang</i>		Thành viên BKS			0	0%	
12.1	Tăng Đình Nam <i>Tang Dinh Nam</i>					0	0%	
12.2	Phan Xuân Nga <i>Phan Xuan Nga</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
12.3	Tăng Đình Sơn Tang Dinh Son					0	0%	
12.4	Nguyễn Thùy Vân Nguyen Thuy Van					0	0%	
12.5	Nguyễn Phương Đông Nguyen Phuong Dong					0	0%	
12.6	Nguyễn Bình Minh Nguyen Binh Minh					0	0%	
12.7	Nguyễn Phương Linh Nguyen Phuong Linh					0	0%	
12.8	Nguyễn Phương Nguyen Phuong					0	0%	
12.9	Phạm Thị Yên Pham Thi Yen					0	0%	
13	Trần Vũ Linh Tran Vu Linh		KTT Chief Accountant			0	0%	
13.1	Trần Ngọc Sót Tran Ngoc Sot					0	0%	
13.2	Vũ Thị Vinh Thân Vu Thi Vinh Than					0	0%	
13.3	Trần Vũ Giang Tran Vu Giang					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
13.4	Trương Thị Lan Vân <i>Truong Thi Lan Van</i>					0	0%	
13.5	Trương Văn Chiến <i>Truong Van Chien</i>					0	0%	
13.6	Lê Thị Hưng <i>Le Thi Hung</i>					0	0%	
13.7	Trần Lan Phương <i>Tran Lan Phuong</i>					0	0%	
13.8	Trần Vũ Phúc Quang <i>Tran Vu Phuc Quang</i>					0	0%	
13.9	Trần Sỹ Anh <i>Tran Sy Anh</i>					0	0%	
13.10	Lê Thị Hồng Nhung <i>Le Thi Hong Nhung</i>					0	0%	
13.11	Trương Lan Tâm <i>Truong Lan Tam</i>					0	0%	
13.12	Nguyễn Thanh Tuấn <i>Nguyen Thanh Tuan</i>					0	0%	
14	Nguyễn Trung Kiên <i>Nguyen Trung Kien</i>		Người phụ trách quản trị <i>Corporate Governanc e Officer</i>			0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
14.1	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>					0	0%	
14.2	Nguyễn Phú Minh Hưng <i>Nguyen Phu Minh Hung</i>					0	0%	
14.3	Nguyễn Ngọc Khánh An <i>Nguyen Ngoc Khanh An</i>					0	0%	
14.4	Nguyễn Thế Việt <i>Nguyen The Viet</i>					0	0%	
14.5	Lê Thị Hòa <i>Le Thi Hoa</i>					0	0%	
14.6	Nguyễn Chiến Thắng <i>Nguyen Chien Thang</i>					0	0%	
14.7	Trần Thị Huệ <i>Tran Thi Hue</i>					0	0%	
14.8	Hoàng Thị Kim Liên <i>Hoang Thi Kim Lien</i>					0	0%	
14.9	Nguyễn Ngọc Nam <i>Nguyen Ngoc Nam</i>					0	0%	
15	Hoàng Minh Trung <i>Hoang Minh Trung</i>		Thư ký Công ty Company Secretary			0	0%	
15.1	Hoàng Trọng Liên <i>Hoang Trong Lien</i>					0	0%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
15.2	Nguyễn Thị Bình <i>Nguyen Thi Binh</i>					0	0%	
15.3	Ong Thị Phương Hà <i>Ong Thi Phuong Ha</i>					0	0%	
15.4	Hoàng Thùy Dương <i>Hoang Thuy Duong</i>					0	0%	
15.5	Hoàng Gia Hưng <i>Hoang Gia Hung</i>					0	0%	
15.6	Hoàng Thùy Anh <i>Hoang Thuy Anh</i>					0	0%	
15.7	Hoàng Thị Hương Thảo <i>Hoang Thi Huong Thao</i>					0	0%	
15.8	Ong Văn Sơn <i>Ong Van Son</i>					0	0%	
15.9	Ong Thị Hương <i>Ong Thi Huong</i>					0	0%	
16	Tổng công ty Phát điện 1 <i>Power Generation Corporation 1 (EVNGENCO 1)</i>		Cổ đông lớn <i>Major Shareholder</i>			188.993.824	42,00%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán Securities trading account	Chức vụ tại công ty Position at the company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of share ownersh ip at the end of the period	Ghi chú Note
17	Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại Pha Lai Thermal Power Joint Stock Company (PPC)		Cổ đông lớn Major Shareholder			73.587.291	16,35%	
18	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước State Capital Investment Corporation (SCIC)		Cổ đông lớn Major Shareholder			51.401.089	11,42%	
19	Tổng công ty Điện lực – TKV Vinacomin - Power Holding Corporation (Vinacomin Power)		Cổ đông lớn Major Shareholder			47.784.131	10,62%	